

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 158/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26-02-2021
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

2. Ông Huỳnh Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1194/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 396/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 390/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng L, sinh năm: 1993 (Có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 201A đường Nh, tổ 3, ấp B, xã Nh, huyện C, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm: 1991 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 441 đường A, tổ 5, ấp G, xã A, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 29/9/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Nguyễn Hồng L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Trung H xây dựng gia đình năm 2013 sau hơn 03 năm tìm hiểu, hai bên tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố H. Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng bà sống chung bên nhà cha mẹ ruột bà tại ấp B, xã Nh, huyện C, Thành phố H. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H sinh tật cờ bạc gây ra nợ nần bà phải phụ trả, lúc đầu bà còn ráng gồng gánh để phụ trả nợ, sau đó do kinh tế khó khăn, bà không thể phụ trả thì ông H bỏ về bên cha mẹ sống cũng từ năm 2017. Từ khi về nhà cha mẹ ruột, ông H hoàn toàn không quan tâm gì đến bà và con, không phụ cấp nuôi con, chỉ có ông bà nội thỉnh thoảng qua rước cháu về chơi, hai bên gia đình cũng khuyên bà và ông H hàn gắn nhưng ông H không có thiện chí, bà nhận thấy giữa bà và ông H không còn

quan tâm gì đến nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Bà và ông có 01 con chung tên Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 01/02/2015. Bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung bà xác định không có, nợ chung không có.

** Bị đơn là ông Nguyễn Trung H vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 29/9/2020, bà Nguyễn Hồng L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Trung H, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không có, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông H đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại số 441 đường A, huyện C, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (ông Hiếu nhận trực tiếp và cha ruột ông H là ông Nguyễn Văn Qu nhận thay các văn bản tố tụng) nhưng vẫn không đến Tòa, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Hồng L và ông Nguyễn Trung H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố H cấp ngày 27/8/2013, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà L thì sau khi xây dựng gia đình vào năm 2013, hai bên chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ bà ở ấp B, xã Nh, huyện C, Thành phố H, mâu thuẫn xảy ra từ năm 2017, nguyên nhân do ông H sinh tật cờ bạc gây ra nợ nần buộc bà phải phụ trả, khi bà không còn khả năng phụ trả nữa thì ông H bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp G, xã A, huyện C sống cho đến nay, không còn quan tâm đến gia đình, dù cha mẹ hai bên có khuyên vợ chồng hàn gắn nhưng bà nhận thấy bà và ông H không thể hàn gắn được, bà nhận thấy tình cảm bà dành cho ông H không còn, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu được ly hôn.

Xét ông H không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, điều đó cho thấy ông H không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với bà L, do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do bà L cung cấp, bà L và ông H không còn chung sống cùng chung một địa chỉ, do đó Hội đồng xét xử xét không cần thiết phải xác minh về tình trạng hôn nhân của ông bà tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố

tụng Dân sự năm 2015. Xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà L và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 01/02/2015, ông H không đến Tòa để đưa ra ý kiến về con chung, cháu Kh hiện đang sống chung với bà L, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Kh cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà H, không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này. Nếu sau này bà L có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà L xác định không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà L xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Hồng L và ông Nguyễn Trung H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố H cấp ngày 27/8/2013 cho bà L và ông H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Bà L và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 01/02/2015.

Giao cháu Kh cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lam về việc tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản chung: Bà L xác định không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà L xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0084876 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã A, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**